

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST

Ngày 22/02/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tư;

Ông Trần Văn Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 303/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan P (dì T), sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Lan P trình bày:

Vào năm 2020, bà có cho Bà Đặng Thị Thanh T vay số tiền 70.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ ngày 28/5/2020 âm lịch, thời hạn vay là 01 năm, hai bên thỏa thuận lãi suất vay mỗi tháng là 1.000.000 đồng/số tiền 70.000.000 đồng. Từ khi vay cho đến nay thì Bà T không có trả tiền vốn và tiền lãi cho bà. Nay bà yêu cầu Bà T trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vay là ngày 18/7/2020 (28/5/2020 âm lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất là 0,83%/tháng (10%/01 năm).

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Bà Đặng Thị Thanh T trình bày:

Bà thống nhất thừa nhận bà có nợ Bà Nguyễn Thị Lan P (tên thường gọi tại địa phương là dì T) số tiền 70.000.000 đồng, cụ thể vào ngày 28/5/2020 âm lịch, bà có mượn bà P số tiền 70.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, chữ ký và viết tên tại biên nhận ngày 28/5/2020 âm lịch là của bà. Hai bên thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 1.000.000 đồng/số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay thỏa thuận là khi nào con của Bà T học ra trường (tháng 06/2023) thì bà sẽ trả đủ số tiền nêu trên cho bà P. Tại phiên tòa, Bà T có ý kiến cho rằng từ khi mượn tiền ngày 28/5/2020 âm lịch cho đến nay thì bà không có trả cho bà P số tiền vốn và lãi nào. Nay bà đồng ý trả bà P số tiền 70.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin không trả tiền lãi suất và xin trả dần số tiền 70.000.000 đồng cho đến tháng 06/2023 sẽ trả hết số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bà P khởi kiện Bà T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn Bà T có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét bà P khởi kiện Bà T yêu cầu trả số tiền vay là 70.000.000 đồng có cung cấp chứng cứ là “Giấy biên nhận” lập ngày 28/5/2020 âm lịch để chứng minh. Giấy biên nhận này là bản chính và có chữ ký xác nhận của Bà Đặng Thị Thanh T nên phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Bà T thống nhất thừa nhận có nợ bà P số tiền là 70.000.000 đồng như bà

P trình bày nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn Bà T cho rằng thời hạn trả số tiền 70.000.000 đồng cho bà P được hai bên thỏa thuận là khi nào con của Bà T học ra trường (tháng 06/2023), tuy nhiên bà P không thừa nhận mà cho rằng thời hạn vay là một năm. Xét tại “biên nhận ngày 28/5/2020 âm lịch” thể hiện cụ thể: “...Thảo có mượn dì T số tiền 70.000.000 (chẵn) bảy mươi triệu.... sau một năm là làm biên nhận lại....”. Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định thời hạn vay tiền là một năm, hiện đã đến hạn trả nhưng Bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[2.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa, bà P yêu cầu Bà T trả tiền lãi tính từ ngày vay là ngày 18/7/2020 (28/5/2020 âm lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất là 0,83%/tháng (10%/01 năm), Bà T xin không trả tiền lãi suất. Xét, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng (10%/01 năm) là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời hạn tính lãi từ ngày 18/7/2020 (28/5/2020 âm lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/02/2022 là 19 tháng 04 ngày, thành tiền lãi là 11.116.000 đồng.

[2.4] Xét, bị đơn Bà T đồng ý trả bà P số tiền 70.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần số tiền 70.000.000 đồng cho đến tháng 06/2023 sẽ trả hết số tiền này nhưng không được nguyên đơn bà P đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà P có ý kiến yêu cầu Bà T trả số tiền vốn và tiền lãi suất vào ngày 22/8/2022, xét yêu cầu của bà P là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Lan P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Lan P.

Buộc Bà Đặng Thị Thanh T phải trả cho Bà Nguyễn Thị Lan P số tiền 81.116.000 đồng vào ngày 22/8/2022.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Đặng Thị Thanh T phải chịu 4.056.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà P và bị đơn Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Lê Quế Thanh